ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM**

----------------------------



**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**Học phần:** **Tiếng Anh 1**

**Mã số: ENG131**

**Số tín chỉ: 03**

**Trình độ đào tạo: Đại học**

**Ngành đào tạo: Quản lý tài nguyên và Du lịch sinh thái**

**Thái Nguyên, 2024**

|  |  |
| --- | --- |
| ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN **TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM** | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨ VIỆT NAM **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
|  | *Thái Nguyên, ngày 2 tháng 7 năm 2024* |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH: Quản lý tài nguyên và Du lịch sinh thái**

**I. Thông tin chung về học phần**

- Tên học phần: **Tiếng Anh 1**

- Tên tiếng Anh:**ENGLISH 1**

- Mã học phần:**ENG131**

- Số tín chỉ:03

- Module:

- Điều kiện tham gia học phần:

* *Học phần tiên quyết: Không*
* *Học phần học trước: Không*
* *Học phần song hành: Không*

- Phân bố thời gian: 3 tín chỉ (45/0/90)

- Học phần thuộc khối kiến thức:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cơ bản □** | | **Cơ sở ngành □** | | **Chuyên ngành □** | | **Bổ trợ □** | |
| Bắt buộc X | Tự chọn □ | Bắt buộc □ | Tự chọn □ | Bắt buộc □ | Tự chọn □ | Bắt buộc □ | Tự chọn □ |

**Ngôn ngữ giảng dạy**: Tiếng Anh X □ Tiếng Việt □

**II. Thông tin về giảng viên**

**2.1. Giảng viên 1:**

- Họ và tên: ***Văn Thị Quỳnh Hoa***

- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ

- Tổ: Ngoại ngữ

- Trung tâm: Ngoại ngữ và Tin học ứng dụng

- Điện thoại: 0982.068.949

- Email: [vanthiquynhhoa@tuaf.edu.vn](mailto:vanthiquynhhoa@tuaf.edu.vn)

- Link hồ sơ khoa học của giảng viên: <http://mysite.tuaf.edu.vn/>;

Tóm tắt lý lịch khoa học của giảng viên: Tốt nghiệp đại học chuyên ngành Tiếng Anh năm 1996 tại Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên, tốt nghiệp thạc sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ Anh năm 2009 tại Trường Đại học Tổng hợp Laguna Philippines, tốt nghiệp tiến sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ Anh năm 2015 tại tại Trường Đại học Tổng hợp Batangas, Phillipines. Bắt đầu công tác giảng dạy và nghiên cứu tại trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên từ năm 2007 cho tới nay. Lĩnh vực nghiên cứu chính là Ngôn ngữ Anh, Phương pháp giảng dạy…. Các học phần giảng dạy gồm: Tiếng Anh cơ bản, Tiếng Anh chuyên ngành, Kỹ năng viết gợi mở, Tiếng Anh giao tiếp. Đã chủ trì 02 đề tài cấp đại học; chủ trì 04 đề tài cấp cơ sở và tham gia 02 đề tài cấp cơ sở. Là chủ biên và đồng tác giả của nhiều bài báo đăng trên các tạp chí trong nước và quốc tế. Hướng dẫn 01 học viên cao học bảo vệ thành công tại trường Ngoại ngữ, Đại học Thái Ngyên. Là chủ biên cuốn sách tham khảo: Tài liệu hướng dẫn ôn tập tiếng Anh theo định dạng VSTEP bậc 3-5 xuất bản năm 2020, nhà xuất bản Bách Khoa Hà Nội.

**2.2. Giảng viên 2:**

- Họ và tên: ***Vũ Kiều Hạnh***

- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ

- Tổ: Ngoại ngữ

- Trung tâm: Ngoại ngữ và Tin học ứng dụng

- Điện thoại: 0982.935.685

- Email: [vukieuhanh@tuaf.edu.vn](mailto:vukieuhanh@tuaf.edu.vn)

- Link hồ sơ khoa học của giảng viên: <http://mysite.tuaf.edu.vn/>

Tóm tắt lý lịch khoa học của giảng viên: Tốt nghiệp đại học chuyên ngành sư phạm tiếng Anh năm 2007 tại Trường Đại học Sư Phạm Thái Nguyên, tốt nghiệp thạc sĩ chuyên ngành tiếng Anh năm 2009 tại Trường Đại học Tổng hợp Laguna, Philippines, tốt nghiệp tiến sĩ tiếng Anh, chuyên ngành Ngôn ngữ và văn học năm 2015 tại Trường Đại học Tổng hợp Batangas, Philippines. Bắt đầu công tác giảng dạy và nghiên cứu tại trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên từ năm 2008 cho tới nay. Lĩnh vực nghiên cứu chính là tiếng Anh cơ bản. Các học phần giảng dạy gồm: Tiếng Anh 1, tiếng Anh 2, tiếng Anh 3. Đã chủ trì 02 đề tài cấp cơ sở. Hướng dẫn thành công 02 học viên cao học tại Trường Ngoại ngữ, Đại học Thái Ngyên. Là chủ biên và đồng tác giả của nhiều bài báo đăng trên các tạp chí trong và ngoài nước. Là đồng tác giả biên soạn sách tham khảo “Tài liệu hướng dẫn ôn tập tiếng Anh theo định dạng Vstep bậc 3-5” xuất bản năm 2020, nhà xuất bản Bách Khoa Hà Nội. Tham gia giảng dạy cho đề án Ngoại ngữ Quốc gia 2020.

**2. 3. Giảng viên 3:**

- Họ và tên: ***Phạm Thị Thu Trang***

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ

- Tổ: Ngoại ngữ

- Trung tâm: Ngoại ngữ và Tin học ứng dụng

- Điện thoại: 0389.975.847

- Email: [phamthithutrangnn@tuaf.edu.vn](mailto:phamthithutrangnn@tuaf.edu.vn)

- Link hồ sơ khoa học của giảng viên: <http://mysite.tuaf.edu.vn/>

Tóm tắt lý lịch khoa học của giảng viên: Tốt nghiệp đại học chuyên ngành Tiếng Anh năm 2012 tại Trường Đại học Hà Nội, tốt nghiệp thạc sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ Anh năm 2017 tại Trường Đại học Hà Nội. Bắt đầu công tác giảng dạy và nghiên cứu tại trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên từ năm 2014 cho tới nay. Lĩnh vực nghiên cứu chính là Ngôn ngữ Anh, Phương pháp giảng dạy…. Các học phần giảng dạy gồm: Tiếng Anh cơ bản, Tiếng Anh chuyên ngành. Đã chủ trì 01 đề tài cấp cơ sở và là chủ biên và đồng tác giả của nhiều bài báo đăng trên các tạp chí trong nước.

**2.4. Giảng viên 4:**

- Họ và tên: ***Nguyễn Thị Thu Hương***

- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ

- Tổ: Ngoại ngữ

- Trung tâm: Ngoại ngữ và Tin học ứng dụng

- Điện thoại: 0988111009

- Email: [nguyenthithuhuongnn@tuaf.edu.vn](mailto:nguyenthithuhuongnn@tuaf.edu.vn)

- Link hồ sơ khoa học của giảng viên: <http://mysite.tuaf.edu.vn/>

Tóm tắt lý lịch khoa học của giảng viên: Tốt nghiệp đại học chuyên ngành sư phạm tiếng Anh năm 2002 tại Trường Đại học Sư Phạm Thái Nguyên, tốt nghiệp Thạc sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ Anh năm 2010 tại Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc Gia, Hà Nội, tốt nghiệp Tiến sĩ tiếng Anh, chuyên ngành Giảng dạy tiếng Anh năm 2018 tại Trường Đại học Tổng hợp Cagayan, Philippines. Bắt đầu công tác giảng dạy và nghiên cứu tại trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên từ năm 2003 cho tới nay. Lĩnh vực nghiên cứu chính là tiếng Anh cơ bản. Các học phần giảng dạy gồm: Tiếng Anh 1, Tiếng Anh 2, Tiếng Anh 3, Tiếng Anh giao tiếp, Phát triển các kỹ năng Tiếng Anh. Đã chủ trì 04 đề tài cấp cơ sở. Là chủ biên và đồng tác giả của nhiều bài báo đăng trên các tạp chí và trong nước, quốc tế và thuyết trình tại các Hội thảo Quốc tế. Tham gia giảng dạy cho đề án Ngoại ngữ Quốc gia 2020.

**2.5. Giảng viên 5:**

- Họ và tên: ***Hà Minh Tuấn***

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ

- Tổ: Ngoại ngữ

- Trung tâm: Ngoại ngữ và Tin học ứng dụng

- Điện thoại: 0904. 203 9292

- Email: [haminhtuannn@tuaf.edu.vn](mailto:haminhtuannn@tuaf.edu.vn)

- Link hồ sơ khoa học của giảng viên: <http://mysite.tuaf.edu.vn/>

Tóm tắt lý lịch khoa học của giảng viên: Tốt nghiệp đại học chuyên ngành Tiếng Anh năm 2001 tại Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên, tốt nghiệp thạc sĩ chuyên ngành PPGD Tiếng Anh năm 2014 tại Trường Đại học Ngoại ngữ- Đại học Quốc Gia Hà Nội. Bắt đầu công tác giảng dạy và nghiên cứu tại trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên từ năm 2005 cho tới nay. Lĩnh vực nghiên cứu chính là Ngôn ngữ Anh, Phương pháp giảng dạy…. Các học phần giảng dạy gồm: Tiếng Anh cơ bản, Tiếng Anh chuyên ngành, Tiếng Anh giao tiếp. Tham gia giảng dạy cho đề án Ngoại ngữ Quốc gia 2020 từ năm 2013 đến nay. Luyện thi TOEFL cho giảng viên trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên. Làm công việc biên, phiên dịch cho các đối tác nước ngoài. Là chủ biên và đồng tác giả của nhiều bài báo đăng trên các tạp chí và trong và quốc tế.

**2.6. Giảng viên 6:**

- Họ và tên: ***Bùi Thị Kiều Giang***

- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ

- Tổ: Ngoại ngữ

- Trung tâm: Ngoại ngữ và Tin học ứng dụng

- Điện thoại: 0983.368.666

- Email: [buithikieugiang@tuaf.edu.vn](mailto:buithikieugiang@tuaf.edu.vn)

- Link hồ sơ khoa học của giảng viên: <http://mysite.tuaf.edu.vn/>

Tóm tắt lý lịch khoa học của giảng viên: Tốt nghiệp đại học chuyên ngành Tiếng Anh năm 1998 tại Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên, tốt nghiệp thạc sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ Anh năm 2009 tại Trường Đại học Tổng hợp Laguna Philippines, tốt nghiệp tiến sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ Anh năm 2018 tại tại Trường Đại học Laguna, Phillipines. Bắt đầu công tác giảng dạy và nghiên cứu tại trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên từ năm 2009 cho tới nay. Lĩnh vực nghiên cứu chính là Ngôn ngữ Anh, Phương pháp giảng dạy…. Các học phần giảng dạy gồm: Tiếng Anh cơ bản, Tiếng Anh chuyên ngành, Tiếng Anh giao tiếp. Đã chủ biên 02 bài báo quốc tế nằm trong danh mục SCOPUS và nhiều bài báo đăng trong tạp chí trong nước.; chủ trì 04 đề tài NCKH cấp cơ sở và tham gia 02 đề tài cấp cơ sở.

**2.7. Giảng viên 7:**

- Họ và tên: ***Nguyễn Lan Hương***

- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ

- Tổ: Ngoại ngữ

- Trung tâm: Ngoại ngữ và Tin học ứng dụng

- Điện thoại: 0386.323.307

Email: [nguyenlanhuong@tuaf.edu.vn](mailto:nguyenlanhuong@tuaf.edu.vn)

- Link hồ sơ khoa học của giảng viên: <http://mysite.tuaf.edu.vn/>

Tóm tắt lý lịch khoa học của giảng viên: Tốt nghiệp đại học chuyên ngành Tiếng Anh năm 2005 tại Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên, tốt nghiệp thạc sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ Anh năm 2009 tại Trường Đại học Tổng hợp Laguna Philippines, tốt nghiệp tiến sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ Anh năm 2015 tại Trường Đại học Tổng hợp Batangas, Phillipines. Bắt đầu công tác giảng dạy và nghiên cứu tại trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên từ năm 2005 cho tới nay. Lĩnh vực nghiên cứu chính là Ngôn ngữ Anh, Phương pháp giảng dạy…. Các học phần giảng dạy gồm: Tiếng Anh cơ bản, Tiếng Anh chuyên ngành, Tiếng Anh giao tiếp. Đã chủ trì 04 đề tài cấp cơ sở. Là chủ biên và đồng tác giả của nhiều bài báo đăng trên các tạp chí trong nước và quốc tế. Tham gia biên soạn cuốn sách tham khảo: Tài liệu hướng dẫn ôn tập tiếng Anh theo định dạng VSTEP bậc 3-5 xuất bản năm 2020, nhà xuất bản Bách Khoa Hà Nội.

**2.8. Giảng viên 8:**

- Họ và tên: ***Nông Thị Hiền Hương***

- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ

- Tổ: Ngoại ngữ

- Trung tâm: Ngoại ngữ và Tin học ứng dụng

- Điện thoại: 0984.888.345

- Email:[nongthihienhuong@tuaf.edu.vn](mailto:nongthihienhuong@tuaf.edu.vn)

- Link hồ sơ khoa học của giảng viên: <http://mysite.tuaf.edu.vn/>

Tóm tắt lý lịch khoa học của giảng viên: Tốt nghiệp đại học chuyên ngành sư phạm tiếng Anh năm 2005 tại Trường Đại học Sư Phạm Thái Nguyên, tốt nghiệp thạc sĩ chuyên ngành tiếng Anh năm 2007 tại Trường Đại học Latrobe, Úc, tốt nghiệp tiến sĩ tiếng Anh, chuyên ngành Kiểm tra đánh giá trong giáo dục năm 2018 tại Trường Đại học Malaysia Universiti Sarawak, Malaysia. Bắt đầu công tác giảng dạy và nghiên cứu tại trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên từ năm 2005 cho tới nay. Lĩnh vực nghiên cứu chính là giảng dạy tiếng Anh, kiểm tra đánh giá ngôn ngữ. Các học phần giảng dạy gồm: Tiếng Anh 1, tiếng Anh 2, tiếng Anh 3, bồi dưỡng ra đề thi, xác trị đề thi và chấm thi theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam. Là chủ biên và đồng tác giả của 04 bài báo đăng trên các tạp chí trong nước và quốc tế, đã chủ trì 04 đề tài NCKH cấp cơ sở.

**III. Mô tả học phần**

Tiếng Anh 1 là học phần đầu tiên trong số ba học phần bắt buộc dành cho sinh viên trường Đại học Nông lâm. Học phần trang bị cho sinh viên ngành **Quản lý tài nguyên và Du lịch sinh thái** một số chủ điểm ngữ pháp và từ vựng cơ bản, đồng thời luyện tập các kỹ năng Nghe-Nói-Đọc-Viết thông qua các hoạt động tình huống, nhập vai, thảo luận nhóm, thuyết trình, v.v. Sau khi kết thúc học phần, sinh viên sẽ đạt được nền tảng cơ bản về ngữ pháp và từ vựng tiếng Anh, tự tin hơn trong việc giao tiếp và sử dụng tiếng Anh, đáp ứng được năng lực bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam theo thông tư 01/2014/TT-BGDĐT.

**IV. Mục tiêu học phần**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu**  **học phần** | **Mô tả mục tiêu** | **Chuẩn đầu ra CTĐT** | **Mức năng lực** |
| **CO1** | Nghe hiểu, phát âm đúng theo hệ thống phiên âm quốc tế; sử dụng được vốn từ vựng thông dụng để giao tiếp trong những tình huống đơn giản. | PLO 5,10 | 2 |
| **CO2** | Sử dụng được các cấu trúc ngữ pháp căn bản nhằm đạt mục đích giao tiếp. | PLO 5,10 | 2 |
| **CO3** | Đọc hiểu những văn bản về những chủ đề quen thuộc được diễn đạt bằng ngôn ngữ hàng ngày. | PLO 5,10 | 2 |
| **CO4** | Viết được những cụm từ, câu đơn giản, đoạn văn ngắn; viết thư về những chủ đề quen thuộc như người bạn, công việc, lời mời. | PLO 5,10 | 2 |

**V. Chuẩn đầu ra học phần**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu học phần** | **Chuẩn đầu ra HP** | **Mô tả chuẩn đầu ra**  *(sau khi học xong học phần này, người học cần đạt được)* | **Chuẩn đầu ra CTĐT** | **Mức năng lực** |
| **CO1** | CLO 1 | Biết cách phát âm đúng theo hệ thống phiên âm quốc tế, theo ngữ điệu, trọng âm. | PLO 5,10 | 2 |
| CLO 2 | Nghe và hiểu nội dung các đoạn hội thoại ngắn, các câu chuyện, các chương trình trên đài có từ vựng về các chủ để quen thuộc như: thời gian rảnh rỗi, hôn nhân, công việc, du lịch, giáo dục, phát minh, cuộc sống. | PLO 5,10 | 2 |
| **CO2** | CLO 3 | Hiểu một số cấu trúc ngữ pháp như: thì hiện tại đơn, quá khứ đơn, hiện tại tiếp diễn; hiện tại hoàn thành, tương lai gần, can, can’t, have to, don’t have to, must; trạng từ chỉ tần suất.  Vận dụng các cấu trúc và từ vựng để tham gia các cuộc hội thoại đơn giản về thời gian rảnh rỗi, hôn nhân, công việc, du lịch, giáo dục… | PLO 5,10 | 2 |
| **CO3** | CLO4 | Hiểu ý chính, một số thông tin chi tiết của đoạn văn ngắn về các chủ đề quen thuộc như bản thân, công việc, thời gian rảnh rỗi, trường học. Phát triển khả năng tư duy phản biện thông qua các bài đọc như hiểu được hàm ý của tác giả, nhận biết thông tin đúng sai, phân biệt thông tin và tổng hợp ý kiến. | PLO 5,10 | 2 |
| **CO4** | CLO5 | Viết được những đoạn văn ngắn về chủ đề quen thuộc gần gũi như bản thân, gia đình, nghề nghiệp, bạn bè... Biết cách viết thư mời, viết lời bình trên web, trên diễn đàn. | PLO 5,10 | 2 |

**Ma trận đóng góp chuẩn đầu ra của học phần (tổng hợp từ bảng trên)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mã học phần** | **Tên học phần** | **Mức độ đóng góp chuẩn đầu ra của CTĐT** | | | | | | | | |  |  |
| PLO1 | PLO2 | PLO3 | PLO4 | PLO5 | PLO6 | PLO7 | PLO8 | PLO9 | PLO  10 | PLO11 |
| ENG131 | Tiếng  Anh 1 | 3 |  |  |  | 2 |  |  |  |  | 2 |  |

**Lộ trình phát triển kiến thức, kỹ năng, thái độ của học phần**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Đáp ứng chuẩn đầu ra học phần** | | | | | |
|  | CLO1 | CLO2 | CLO3 | CLO4 | CLO5 |  |
| Nội dung 1: **Unit 1: Life** | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 |  |
| Nội dung 2: **Unit 2: Work** | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 |  |
| Nội dung 3: **Unit 3: Time out** | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 |  |
| Nội dung 4: **Unit 4: Great minds** | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 |  |
| Nội dung 5: **Revision: Preparations for outcome-based exam: Speaking skills**  **(B1B2C1-VSTEP)** | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 |  |

**VI. Nội dung chi tiết học phần**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Số tiết** | **Chuẩn đầu ra HP** | **Trình độ năng lực** | **Phương pháp dạy học** | **Phương pháp đánh giá** | **Địa điểm giảng dạy** |
| **Unit 1: Life** |  |  |  |  |  |  |
| **1. Grammar**  - Question forms  - The past simple tense | **1** | **CLO3** | **3** | Thuyết trình, động não, phát vấn, thảo luận nhóm, đóng vai. | Rubric 1  Rubric 2  Rubric 3 | Giảng đường |
| **2.** **Vocabulary and Reading**  **-** Free time  - The secrets of happiness | **2** | **CLO4, CLO2** | **3** |
| **3. Speaking**  - Holidays and weekends  - Personal questions  - The important people in your life | **2** | **CLO1, CLO3** | **3** |
| **4. Pronunciation**  - Stressed word  - Ed endings | **1** | **CLO1** | **3** |
| **5. Listening**  - Stories of offers of mariage | **1** | **CLO2** | **3** |
| **6.** **Writing**  - Write about an important year in your life; write about your best friend | **2** | **CLO5** | **3** |
| Tài liệu học tập và tham khảo  1. Antonia Clare, JJ Wilson, 2020. *Speakout 2nd -Pre-intermediate, CEFR Level B1, Vietnam Edition.* Pearson & Vietnam News Agency Publishing House.  2. Murphy, R., 2003. *Basic Grammar in Use*. Cambridge University Press.  3. McCarthy, M. & O’Dell, F.1999. *English Vocabulary in Use - Pre-Intermediate*. Cambridge University Press. | | | | | | |
| **Unit 2: Work** |  |  |  |  |  |  |
| **1.** **Grammar**  - The present simple and continous tense  - Adverbs of frequency  - Like/ dislike | **1** | **CLO3** | **3** | Thuyết trình, động não, phát vấn, thảo luận nhóm, đóng vai. | Rubric 1  Rubric 2  Rubric 3 | Giảng đường |
| **2.** **Vocabulary and Reading**  - Jobs  - Dangerous jobs  - Results of survey about work/ life balance | **2** | **CLO1, CLO2, CLO4** | **3** |
| **3. Speaking**  - Your dangerous jobs  - Your perfect jobs.  - Your work/life balance | **2** | **CLO1, CLO3** | **3** |
| **4. Listening**  - Interview about jobs | **1** | **CLO2** | **3** |
| **5. Pronunciation**  - Stressed syllables  - Word stress  - Intonation: sound interested | **1** | **CLO1** | **3** |
| **6. Writing**  - Write an email about work experience  - Write a web comment about work/life balance | **2** | **CLO5** | **3** |
| Tài liệu học tập và tham khảo  1. Antonia Clare, JJ Wilson, 2020. *Speakout 2nd -Pre-intermediate, CEFR Level B1, Vietnam Edition.* Pearson & Vietnam News Agency Publishing House.  2. Murphy, R., 2003. *Basic Grammar in Use*. Cambridge University Press.  3. McCarthy, M. & O’Dell, F.1999. *English Vocabulary in Use - Pre-Intermediate*. Cambridge University Press. | | | | | | |
| **Unit 3: Time out** |  |  |  |  |  |  |
| **1. Grammar**  - The present continuous tense/***be going to*** for future | **1** | **CLO3** | **3** | Thuyết trình, động não, phát vấn, thảo luận nhóm, đóng vai. | Rubric 1  Rubric 2  Rubric 3 | Giảng đường |
| **2. Reading and Vocabulary**  - Places to visit  - How people spend their free time around the world | **2** | **CLO1, CLO2, CLO4** | **3** |
| **3. Speaking**  - Your future plans  - Talk about how you spend your free time  - Plan a perfect day out | **2** | **CLO1, CLO3** | **3** |
| **4. Listening**  - A radio programe about going out in New York. | **1** | **CLO2** | **3** |
| **5. Pronunciation**  - Stress in compound nouns  - Linking: can | **1** | **CLO1** | **3** |
| **6. Writing**  - Write an email invitation  - Write an invitation for a day out | **2** | **CLO5** | **3** |
| Tài liệu học tập và tham khảo  1. Antonia Clare, JJ Wilson, 2020. *Speakout 2nd -Pre-intermediate, CEFR Level B1, Vietnam Edition.* Pearson & Vietnam News Agency Publishing House.  2. Murphy, R., 2003. *Basic Grammar in Use*. Cambridge University Press.  3. McCarthy, M. & O’Dell, F.1999. *English Vocabulary in Use - Pre-Intermediate*. Cambridge University Press. | | | | | | |
| **Unit 4: Great Minds** |  |  |  |  |  |  |
| **1. Grammar**  - The present perfect tense + ever/never.  - Can, have to, must | **1** | **CLO3** | **3** | Thuyết trình, động não, phát vấn, thảo luận nhóm, đóng vai. | Rubric 1  Rubric 2  Rubric 3 | Giảng đường |
| **2. Vocabulary and Reading**  - Education  - Different schools  - Replies to a website message | **2** | **CLO1, CLO2,**  **CLO4** | **3** |
| **3. Speaking**  - Hidden talents  - Rules in schools  - Inventions  - Advice and suggestions for language learners | **2** | **CLO1, CLO3** | **3** |
| **4. Listening**  - His hidden talents | **1** | **CLO2** | **3** |
| **5. Pronunciation**  - Weak forms: have, have to  - Silent letters | **1** | **CLO1** | **3** |
| **6. Writing**  - Write a forum post about inventions | **2** | **CLO5** | **3** |
| Tài liệu học tập và tham khảo  1. Antonia Clare, JJ Wilson, 2020. *Speakout 2nd -Pre-intermediate, CEFR Level B1, Vietnam Edition.* Pearson & Vietnam News Agency Publishing House.  2. Murphy, R., 2003. *Basic Grammar in Use*. Cambridge University Press.  3. McCarthy, M. & O’Dell, F.1999. *English Vocabulary in Use - Pre-Intermediate*. Cambridge University Press. | | | | | | |
| **Revision: Preparations for outcome-based exam: Speaking skills (B1B2C1-VSTEP)** |  |  |  |  |  |  |
| **1. Introduction to VSTEP Speaking test**  Part 1: Social interactions  Part 2 : Problem Solutions  Part 3: Topic development. | **3** | **CLO1, CLO2, CLO3, CLO4** | **3** | Thuyết trình, động não, phát vấn, thảo luận nhóm, đóng vai. | Rubric 1  Rubric 2  Rubric 3 | Giảng đường |
| **2. Notes of VSTEP Speaking Test** | **2** | **CLO1, CLO2, CLO3, CLO4** | **3** |
| **3. Practice** | **4** | **CLO1, CLO2, CLO3, CLO4** | **3** |  |  |
| Tài liệu học tập và tham khảo  1. Văn Thị Quỳnh Hoa, Vũ Kiều Hạnh, Nguyễn Lan Hương. 2020. *Tài liệu hướng dẫn ôn tập tiếng Anh theo định dạng VSTEP bậc 3-5*. Nhà xuất bản Đại học Bách Khoa.  2. Murphy, R., 2003. *Basic Grammar in Use*. Cambridge University Press.  3. McCarthy, M. & O’Dell, F.1999. *English Vocabulary in Use - Pre-Intermediate*. Cambridge University Press. of State. | | | | | | |

**VII. Đánh giá và cho điểm**

**1. Ma trận đánh giá chuẩn đầu ra của học phần**

**Ma trận đánh giá CĐR của học phần**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Các CĐR của**  **học phần** | **Mức năng lực** | **Điểm chuyên cần (20%)** | **Điểm tra đánh giá quá trình**  **(30%)** | **Điểm cuối kỳ**  **(50%)** |
| CLO1 | **3** | **x** | **x** | **x** |
| CLO2 | **3** | **x** | **x** | **x** |
| CLO3 | **3** | **x** | **x** | **x** |
| CLO4 | **3** | **x** | **x** | **x** |
| CLO5 | **3** | **x** | **x** | **x** |

**2. Rubric đánh giá học phần**

***\* Điểm chuyên cần***

**Rubric 1: Sự tham gia và tính chủ động trong các buổi học**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Trọng số (%)** | **Giỏi**  **(8,5-10)** | **Khá**  **(7,0-8,4)** | **Trung bình**  **(5,5-6,9)** | **Trung bình yếu**  **(4,0-5,4)** | **Kém**  **<4,0** |
|  |  |  |
| **Tham dự các buổi học lý thuyết, thảo luận và bài tập** | 80% | Tham dự đầy đủ các buổi học. | Tham dự chỉ đạt khoảng 70 -80% các buổi học. | Tham dự chỉ đạt khoảng 60% -70% các buổi học. | Tham dự chỉ đạt khoảng 50% -60% các buổi học. | Tham dự chỉ đạt khoảng <50% các buổi học. |
| **Thái độ học giờ lý thuyết, thảo luận và bài tập** | 10% | Tích cực phát biểu xây dựng bài.  Xung phong làm bài tập và làm tốt bài tập. | Tương đối tích cực phát biểu xây dựng và có tinh thần xung phong làm bài tập tuy nhiên chất lượng câu trả lời chưa cao. | Chưa tích cực phát biểu xây dựng và xung phong làm bài tập. Giáo viên chỉ định mới trả lời. | Chưa tích cực phát biểu xây dựng, không xung phong làm bài tập. Giáo viên chỉ định mới trả lời. | Chỉ tham dự lớp học nhưng không tham gia phát biểu, xung phong làm bài.  Không hiểu bài và không trả lời được câu hỏi liên quan đến bài cũ.  Làm việc riêng trong giờ học. |
| **Làm bài tập về nhà** | 10% | Hoàn thành 100% bài tập được giao. | Hoàn thành 80% bài tập được giao. | Hoàn thành 60% bài tập được giao. | Hoàn thành 50% bài tập được giao. | Không làm bài tập hoặc hoàn thành dưới 50% bài tập được giao. |

***\* Điểm giữa kỳ***

**Rubric 2: Thuyết trình**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Trọng số**  **(%)** | **Tốt**  **(8,5-10)** | **Khá**  **(7,0-8,4)** | **Trung bình**  **(5,5-6,9)** | **Trung bình yếu**  **(4,0-5,4)** | | **Kém**  **<4,0** |
| **Kết quả** | 70% | Trình bày đầy đủ nội dung yêu cầu thuyết trình. | Trình bày gần đầy đủ nội dung yêu cầu thuyết trình. | Trình bày không đủ về nội dung yêu cầu thuyết trình. | Trình bày chỉ một phần nhỏ của nội dung yêu cầu thuyết trình. | | Không trình bày được nội dung yêu cầu thuyết trình. |
| **Trả lời câu hỏi** | 20% | Nắm vững và trả lời đầy đủ, rõ ràng, các câu hỏi. | Trả lời được khoảng 70% các câu hỏi. | Trả lời được khoảng 50% các câu hỏi. | Trả lời được khoảng 30 % các câu hỏi. |  | Không trả lời được câu nào. |
| **Tài liệu** | 5% | Tài liệu nghiên cứu và tài liệu thuyết trình đầy đủ. Cung cấp đầy đủ nguồn tham khảo. | Tài liệu nghiên cứu và tài liệu thuyết trình tương đối đầy đủ. Không cung cấp đầy đủ nguồn tham khảo. | Có sử dụng một số nguồn tham khảo (<30%) nhưng không cung cấp nguồn tham khảo. | Sử dụng một số nguồn tham khảo (>=30%) nhưng không cung cấp nguồn tham khảo |  | Không sử dụng nguồn tài liệu tham khảo. |
| **Hình thức thuyết trình** | 5% | Cách trình bày bài thuyết trình lôi cuốn, rõ ràng, mạch lạc, dễ hiểu. | Bài thuyết trình khá đầy đủ nhưng không trình bày mạch lạc. | Bài thuyết trình chưa đầy đủ, trình bày không rõ ràng. | Bài thuyết trình sơ sài, hiểu được rất ít nội dung. |  | Bài thuyết trình sơ sài, không thể hiểu được nội dung. |

***\* Điểm cuối kỳ***

**Rubric 3: Vấn đáp**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Trọng số**  **(%)** | **Tốt**  **(8,5-10)** | **Khá**  **( 7,0-8,4)** | **Trung bình**  **(5,5-6,9)** | **Trung bình yếu**  **(4,0-5,4)** | | **Kém**  **<4,0** |
| **Ngữ pháp** | 25% | Biêt sử dụng đúng (100%) ngữ pháp để đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi. | Biết sử dụng tương đối đúng (80%) ngữ pháp để đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi. | Biêt sử dụng đúng (60%) ngữ pháp để đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi. | Sử dụng đúng (40%) ngữ pháp để đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi. | | Sử dụng sai ngữ ngữ pháp để đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi. |
| **Từ vựng** | 25% | Biết dùng đúng từ. | Biết dùng từ tương đối đúng. | Sử dụng từ gần đúng từ. | Sự dụng từ chưa đúng, không hiểu được nghĩa của từ. |  | Dùng từ sai, không có nghĩa. |
| **Phát âm** | 25% | Phát âm chuẩn. | Phát âm tương đối chuẩn. | Phát âm gần chuẩn. | Phát âm chưa chuẩn. |  | Phát âm sai từ. |
| **Kĩ năng giao tiếp** | 25% | Trả lời câu hỏi lưu loát, mạch lạc. | Trả lời câu hỏi khá lưu loát, mạch lạc. | Trả lời câu hỏi chưa lưu loát, mạch lạc. | Ấp úng, thiếu tự tin khi trả lời câu hỏi. |  | Không trả lời câu hỏi. |

**VIII. Tài liệu học tập** *(ghi rõ mã số của thư viện nếu có)*

**1. Giáo trình:**

1. Antonia Clare, JJ Wilson, 2020. *Speak out 2nd -Pre-intermediate, CEFR Level B1, Vietnam Edition.* Pearson & Vietnam News Agency Publishing House.

2. Văn Thị Quỳnh Hoa, Vũ Kiều Hạnh, Nguyễn Lan Hương. 2020. *Tài liệu hướng dẫn ôn tập tiếng Anh theo định dạng VSTEP bậc 3-5*. Nhà xuất bản Đại học Bách Khoa.

**2. Tài liệu tham khảo:**

1. Murphy, R., 2003. *Basic Grammar in Use*. Cambridge University Press.

2. Mark Hancock, 2010. *English Pronunciation in Use*. Cambridge University Press.

3. McCarthy, M. & O’Dell, F.1999. *English Vocabulary in Use - Pre-Intermediate*. Cambridge University Press.

**IX. Hình thức tổ chức dạy học**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Hình thức tổ chức dạy học của học phần (tiết)** | | | **Tổng** |
| **Lý thuyết** | **Thực hành** | **Tự học** |
| Unit 1 | 9 |  | 18 | 27 |
| Unit 2 | 9 |  | 18 | 27 |
| Unit 3 | 9 |  | 18 | 27 |
| Unit 4 | 9 |  | 18 | 27 |
| Revision | 9 |  | 18 | 27 |
| **Tổng** | **45** |  | **90** | **135** |

**X.** Cơ chế giải đáp thắc mắc, trả lời các câu hỏi của người học liên quan đến học phần; phản hồi của người học với kết quả chấm điểm học phần: trực tiếp trong giờ dạy tại giảng đường

**XI.** Ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy

Ứng dụng công nghệ thông tin trong soan bài giảng điên tử, truy cập tài liệu tham khảo.

**XII.** Kết nối doanh nghiệp, chuyên gia tham gia giảng dạy (*nếu có*)

**XIII.** Yêu cầu của giảng viên về cơ sở vật chất để giảng dạy học phần: giảng đường, mạng Internet, máy chiếu, loa.

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| |  |  |  | | --- | --- | --- | | **GIÁM ĐỐC**  **PGS. TS. Trần Quốc Hưng** | **TỔ TRƯỞNG**  **TS. Văn Thị Quỳnh Hoa** | **GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN**  **TS. Nguyễn Lan Hương** | |  |  |

**XIV. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết (hàng năm)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Lần 1:**  **-** Tóm tắt nội dung cập nhật ĐCCT lần 1: ***ngày .. tháng .. năm..***  - Lý do cập nhật, bổ sung | **<**Người cập nhật ký và ghi rõ họ tên)  Trưởng Bộ môn: |
| **Lần 2:** Tóm tắt nội dung cập nhật ĐCCT lần 2: ngày tháng năm  - Lý do cập nhật, bổ sung | **<**Người cập nhật ký và ghi rõ họ tên)  Trưởng Bộ môn: |
| **Lần …:** | **<**Người cập nhật ký và ghi rõ họ tên)  Trưởng Bộ môn: |